

Số: 100 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10
và lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh năm học 2025 - 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BGDĐT ngày 06/01/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Chuyên;

Căn cứ Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp THPT;

Căn cứ Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) (sau đây gọi là Thông tư 30);

Căn cứ Quyết định 242/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển GDĐT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 366/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn trường THPT Chuyên và 08 trường THCS trọng điểm giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025;

Ngày 11/02/2025, UBND tỉnh đã ban hành Thông báo kết luận số 21/TB-UBND về các nội dung phiên họp thường kỳ tháng 02/2025.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở GDĐT tại Tờ trình số 06/TTr-SGDĐT ngày 10/02/2025 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 và lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh năm học 2025-2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 10 và lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh năm học 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

(Có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở GDĐT chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung theo Kế hoạch đã được phê duyệt bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở GDĐT; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *lll*

Nơi nhận: *lll*

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



lll
Lê Xuân Lợi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tuyển sinh vào lớp 10 và lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh năm học 2025 - 2026

*(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 17/02/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) bảo đảm chính xác, công bằng, khách quan. Đảm bảo 100% học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) có nguyện vọng tiếp tục đi học được tuyển vào các trường trung học phổ thông (THPT), trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT, các trung tâm giáo dục thường xuyên (GDTX), trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX).

2. Làm cơ sở để đánh giá chất lượng dạy và học của các trường THCS và công tác chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

3. Hướng dẫn tuyển sinh đầy đủ, rõ ràng, công khai, tạo thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

B. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2025 - 2026

I. Tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên và lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh

1. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và bảo đảm điều kiện cho từng đối tượng, cụ thể:

a) Tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT Chuyên Bắc Ninh

Học sinh tốt nghiệp THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có kết quả rèn luyện và kết quả học tập lớp 9 từ khá trở lên¹.

b) Tuyển sinh vào lớp 10 THPT công lập không chuyên bảo đảm một trong các điều kiện:

- Học sinh tốt nghiệp THCS tại tỉnh Bắc Ninh;
- Học sinh tốt nghiệp THCS tỉnh khác có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Ninh²;

¹ Quyết định 366/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt đề án nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn trường THPT Chuyên và 8 trường THCS trọng điểm giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

- Học sinh tốt nghiệp THCS tỉnh khác có bố hoặc mẹ có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Ninh³.

2. Phương thức tuyển sinh

Tổ chức 01 (một) lần tuyển sinh vào lớp 10 THPT cho tất cả các trường THPT công lập và THPT Chuyên Bắc Ninh trên toàn tỉnh theo phương thức thi tuyển, gọi là Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026.

3. Thành lập Hội đồng tuyển sinh THPT

Mỗi trường THPT thành lập 01 (một) Hội đồng tuyển sinh THPT do Giám đốc Sở GDĐT quyết định thành lập, thành phần gồm: Chủ tịch là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng; Phó Chủ tịch là Phó Hiệu trưởng hoặc Tổ trưởng chuyên môn; Thư kí và ủy viên là giáo viên, nhân viên nhà trường.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh, đăng ký dự thi

4.1. Trường THPT Chuyên Bắc Ninh

Tuyển 13 lớp gồm: 02 lớp chuyên Toán, 02 lớp chuyên Ngữ văn, 01 lớp chuyên Tiếng Anh, 01 lớp chuyên Tiếng Trung, 01 lớp chuyên Tiếng Hàn, 01 lớp chuyên Vật lí, 01 lớp chuyên Hóa học, 01 lớp chuyên Sinh học, 01 lớp chuyên Lịch sử, 01 lớp chuyên Địa lí, 01 lớp chuyên Tin học. Mỗi lớp không vượt quá 35 học sinh.

4.2. Các trường THPT công lập không chuyên

Sở GDĐT xây dựng Kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt và có văn bản thông báo số lượng chỉ tiêu vào các trường THPT cụ thể sau.

4.3. Đăng ký dự thi

- Thí sinh đăng ký dự thi (ĐKDT) bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại các cơ sở giáo dục (*Sở GDĐT có văn bản hướng dẫn cụ thể sau*).

- Thí sinh ĐKDT vào Trường THPT Chuyên được đăng ký tối đa 04 nguyện vọng (NV) xếp theo thứ tự NVC (Nguyện vọng Chuyên), NV1 (Nguyện vọng 1), NV2 (Nguyện vọng 2), NV3 (Nguyện vọng 3), cụ thể:

- + NVC: Thí sinh đăng ký vào Trường THPT Chuyên Bắc Ninh;
- + NV1: Thí sinh đăng ký vào 01 trường THPT công lập không chuyên bất kỳ trên toàn tỉnh;
- + NV2: Thí sinh đăng ký vào trường THPT công lập không chuyên trên cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là địa bàn) với trường THPT thí sinh đăng ký NV1;
- + NV3: Thí sinh đăng ký vào 01 trường THPT công lập không chuyên trên cùng địa bàn với trường THPT đăng ký NV1, NV2 hoặc 01 trường THPT không chuyên thuộc địa bàn giáp ranh (*phụ lục đính kèm*) với địa bàn trường THPT đăng ký NV1 và NV2.

^{2,3} Học sinh tốt nghiệp THCS tỉnh khác phải có giấy xác nhận chưa tham gia Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026 nơi thí sinh tốt nghiệp THCS.

- Thí sinh ĐKDT vào các trường THPT công lập không chuyên được đăng ký tối đa 03 NV xếp theo thứ tự NV1, NV2, NV3 (*quy định tại mục này*).

- Thí sinh đăng ký tuyển thẳng vào trường THPT công lập không chuyên nào thì nộp hồ sơ tuyển thẳng vào trường THPT đó.

Lưu ý: Thí sinh ĐKDT tại trường THPT nơi thí sinh đăng ký NV1. Thí sinh không được thay đổi NV sau thời gian quy định.

5. Môn thi, hình thức thi, thời gian thi, địa điểm thi

5.1. Môn thi, hình thức thi, thời gian làm bài

a) Môn thi

- Thí sinh ĐKDT vào lớp 10 THPT công lập không chuyên dự thi 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh.

- Thí sinh ĐKDT vào lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh ngoài việc dự thi 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh phải dự thi thêm bài thi môn thứ tư (*bài thi dành cho môn chuyên*), cụ thể:

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Toán dự thi môn Toán;

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Ngữ văn dự thi môn Ngữ văn;

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Vật lí dự thi bài thi KHTN (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Vật lí*);

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Hóa học dự thi bài thi KHTN (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Hóa học*);

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Sinh học dự thi bài thi KHTN (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Sinh học*);

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Lịch sử dự thi bài thi Lịch sử và Địa lí (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Lịch sử*);

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Địa lí dự thi bài thi Lịch sử và Địa lí (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Địa lí*);

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Hàn dự thi môn Tiếng Anh chuyên.

+ Thí sinh ĐKDT vào lớp chuyên Tin học dự thi môn Toán (*dành cho thí sinh thi vào chuyên Tin học*).

b) Hình thức thi, thời gian làm bài

- Môn Toán: Thời gian làm bài 120 phút, đề thi gồm 2 phần

+ Phần Trắc nghiệm (4,0 điểm), thời gian làm bài 50 phút;

+ Phần Tự luận (6,0 điểm), thời gian làm bài 70 phút.

- Môn Ngữ văn: Thời gian làm bài 120 phút, hình thức thi Tự luận.

- Môn Tiếng Anh: Thời gian làm bài 90 phút, đề thi gồm 2 phần

+ Phần Trắc nghiệm (7,0 điểm), thời gian làm bài 60 phút;

- + Phần Tự luận (3,0 điểm), thời gian làm bài 30 phút.
- Bài thi dành cho môn chuyên: Thời gian làm bài 150 phút, hình thức thi Tự luận.

Lưu ý:

- Bài thi của các môn chấm theo thang điểm 10, điểm lẻ của tổng điểm toàn bài được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Môn thi Tiếng Anh và Tiếng Anh chuyên có phần nghe.

5.2. Thời gian tổ chức kỳ thi

- Ngày **05, 06/6/2025**: Thi 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh.
- Ngày **07/6/2025**: Thi bài thi dành cho môn chuyên.

5.3. Địa điểm dự thi

- Đối với thí sinh ĐKDT vào lớp 10 Trường THPT Chuyên Bắc Ninh: Dự thi 03 môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh tại trường THPT nơi đăng ký NV1. Riêng bài thi dành cho môn chuyên, thí sinh dự thi tại Trường THPT Chuyên Bắc Ninh và các trường THPT công lập không chuyên trên địa bàn thành phố Bắc Ninh (nếu Trường THPT Chuyên Bắc Ninh không đáp ứng đủ phòng thi).

- Đối với thí sinh chỉ ĐKDT vào lớp 10 THPT công lập không chuyên: Thí sinh dự thi tại Hội đồng thi của trường THPT nơi đăng ký NV1.

6. Đối tượng tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích vào lớp 10 THPT

6.1. Tuyển thẳng

Ngoài các điều kiện quy định tại *nội dung b, mục 1* thí sinh được tuyển thẳng vào lớp 10 các trường THPT công lập không chuyên đảm bảo một trong các điều kiện sau:

- a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở.
- b) Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.
- c) Học sinh là người khuyết tật.
- d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật.
- đ) Học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi quốc tế do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định chọn cử.

6.2. Cộng điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên được cộng vào tổng điểm xét tuyển sinh theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi, cụ thể:

- a) Nhóm đối tượng 1 (cộng 2,0 điểm):
 - Con liệt sĩ;
 - Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

b) Nhóm đối tượng 2 (cộng 1,5 điểm):

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Nhóm đối tượng 3 (cộng 1,0 điểm):

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;
- Người dân tộc thiểu số;
- Học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

6.3. Cộng điểm khuyến khích

Cộng điểm khuyến khích cho học sinh trung học cơ sở đạt giải trong các cuộc thi cấp tỉnh do Sở GDĐT tổ chức hoặc phối hợp với các sở, ngành tổ chức trên quy mô toàn tỉnh đối với các cuộc thi có tổ chức ở cấp quốc gia⁴ theo quy định tại điểm d, mục 6.1.

Điểm khuyến khích được cộng vào tổng điểm xét tuyển sinh theo thang điểm 10 (mười) đối với mỗi môn thi, cụ thể:

- Giải Nhất: Cộng 1,5 điểm;
- Giải Nhì: Cộng 1,0 điểm;
- Giải Ba: Cộng 0,5 điểm.

Lưu ý:

- Trường hợp thí sinh có nhiều hơn một loại ưu tiên, chỉ được hưởng loại ưu tiên cao nhất⁵;

⁴ Được quy định tại văn bản số 5814/BGDĐT-GDTrH ngày 07/12/2017 của Bộ GDĐT về việc tổ chức các cuộc thi dành cho học sinh phổ thông từ năm học 2017-2028.

⁵ Căn cứ điều 42 thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 14/12/2024 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp THPT.

- Trường hợp thí sinh đoạt nhiều giải khác nhau trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi chỉ được hưởng một mức cộng điểm của giải cao nhất⁶;

- Quy định tuyển thẳng, ưu tiên, khuyến khích **không thực hiện cho các thí sinh ĐKDT vào lớp 10 THPT Chuyên Bắc Ninh.**

7. Xét tuyển (đối với thí sinh tham dự kỳ thi tuyển)

7.1. Điều kiện xét tuyển

a) Đối với Trường THPT Chuyên Bắc Ninh

Thí sinh tham dự đủ các bài thi theo quy định, không bị kỷ luật đến mức hủy kết quả thi và đảm bảo các điều kiện sau:

- Các bài thi đều đạt từ 2,00 điểm trở lên.
- Riêng bài thi dành cho môn chuyên phải đạt từ 5,00 điểm trở lên.
- Điểm xét tuyển phải đạt từ 25,00 điểm trở lên.

b) Đối với trường THPT công lập không chuyên

Thí sinh phải dự thi đủ các bài thi theo quy định, không bị kỷ luật đến mức hủy kết quả thi, tất cả các bài thi đều đạt trên 1,00 điểm.

7.2. Nguyên tắc xét tuyển

a) Xét tuyển thẳng

Xét tuyển thẳng vào các trường THPT công lập không chuyên đối với các học sinh đủ điều kiện theo quy định tại *mục 6.1*. Các trường THPT công lập không chuyên có học sinh đề nghị tuyển thẳng, Hội đồng tuyển sinh nhà trường chịu trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đề xuất danh sách học sinh đủ điều kiện tuyển thẳng với Hiệu trưởng nhà trường để trình Giám đốc Sở GDĐT phê duyệt.

Tờ trình kèm theo danh sách học sinh đủ điều kiện tuyển thẳng và hồ sơ của thí sinh (*bản sao*) các đơn vị nộp về Sở GDĐT (*qua phòng QLCLGD*). Sở GDĐT phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển diện tuyển thẳng chậm nhất 02 ngày trước ngày thi.

b) Xét tuyển vào lớp 10 THPT

Chỉ xét tuyển các thí sinh bảo đảm điều kiện xét tuyển theo quy định tại mục 7.1 lấy theo thứ tự điểm từ cao đến thấp.

* **Bước 1: Xét tuyển đối với Trường THPT Chuyên Bắc Ninh**

| |
|--|
| $\text{Điểm xét tuyển} = \text{Điểm môn Toán} + \text{Điểm môn Ngữ văn} + \text{Điểm môn Tiếng Anh} \\ + (\text{Điểm bài thi dành cho môn chuyên}) \times 2$ |
|--|

- Xét trúng tuyển theo Điểm xét tuyển và NV đăng ký môn chuyên, tính từ cao xuống thấp của từng lớp chuyên để tuyển đủ chỉ tiêu. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có Điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: có điểm thi môn chuyên ĐKDT cao hơn; đoạt giải

⁶ Căn cứ điều 43 thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT ngày 14/12/2024 về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp THPT.

Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh lớp 9 tương ứng các môn văn hóa cao hơn⁷, có điểm trung bình các môn học cuối năm lớp 9 được đánh giá bằng điểm số cao hơn.

- **Lưu ý:** Những thí sinh:

+ Trúng tuyển vào Trường THPT Chuyên Bắc Ninh **không** được xét tuyển vào các trường THPT công lập không chuyên đã đăng ký.

+ Không trúng tuyển vào Trường THPT Chuyên Bắc Ninh sẽ được xét tuyển vào trường THPT công lập không chuyên theo thứ tự quy định tại bước 2.

*** Bước 2: Xét tuyển đối với trường THPT công lập không chuyên**

Điểm xét tuyển = Điểm môn Toán + Điểm môn Ngữ văn + Điểm môn Tiếng Anh
+ Điểm ưu tiên (*nếu có*) + Điểm Khuyến khích (*nếu có*)

- Xét trúng tuyển: Căn cứ vào điểm xét tuyển của thí sinh, xét trúng tuyển NV1, NV2 và NV3 theo phương thức sau:

+ Xét NV1: Tại ngưỡng xét trúng tuyển 95% theo chỉ tiêu được giao. Trường THPT trên cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố có điểm xét tuyển trúng NV1 cao nhất tuyển đủ số lượng NV1 theo chỉ tiêu được giao. Các trường THPT còn lại tuyển NV1 95% số lượng theo chỉ tiêu được giao (tính cả đối tượng tuyển thẳng).

+ Xét NV2: Chỉ xét tuyển các thí sinh có đăng ký NV2 nhưng không trúng tuyển NV1, có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển NV1 tại ngưỡng 95% của trường đăng ký NV2 và lấy theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu được giao.

+ Xét NV3: Chỉ xét tuyển đối với những trường THPT sau khi xét NV2 còn thiếu chỉ tiêu, sẽ thực hiện xét tuyển các thí sinh có đăng ký NV3 nhưng không trúng tuyển NV1, NV2, có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển NV1 tại ngưỡng 95% của trường đăng ký NV3 và lấy theo thứ tự điểm xét tuyển từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu được giao.

Lưu ý: Việc công bố điểm chuẩn (điểm xét trúng tuyển) được thực hiện đồng thời với công bố điểm thi.

II. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT, trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT ngoài công lập; các trung tâm GDTX và các trung tâm GDNN-GDTX

Các trường THPT ngoài công lập, các trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT, các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX xây dựng kế hoạch tuyển sinh bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định tại Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT và các văn bản hướng dẫn

⁷ Thi vào lớp: chuyên Toán tính theo giải HSG lớp 9 môn Toán; chuyên Ngữ văn tính theo giải HSG lớp 9 môn Ngữ văn; chuyên Tiếng Anh hoặc Tiếng Trung tính theo giải HSG lớp 9 môn Tiếng Anh; Chuyên Tin học tính theo giải HSG lớp 9 môn Tin học hoặc môn Toán; chuyên Vật lý tính theo giải HSG lớp 9 bài thi KHTN1; chuyên Hóa học tính theo giải HSG lớp 9 bài thi KHTN2; chuyên Sinh học tính theo giải HSG lớp 9 bài thi KHTN3; chuyên Lịch sử tính theo giải HSG lớp 9 bài thi LS&ĐL1; chuyên Địa lý tính theo giải HSG lớp 9 bài thi LS&ĐL2.

hiện hành, báo cáo Sở GDĐT phê duyệt trước ngày 28/02/2025 và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/3/2025.

III. Kinh phí

Kinh phí tổ chức công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp các đơn vị sử dụng trong dự toán được giao và các khoản thu hợp pháp khác.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn các phòng GDĐT, các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp THPT, trung tâm GDTX, trung tâm GDNN-GDTX về công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026.

2. Thực hiện công tác ra đề, sao in đề thi, coi thi, chấm thi, phúc khảo, công bố kết quả thi theo đúng tiến độ.

3. Tổ chức thanh tra và kiểm tra công tác tuyển sinh trên địa bàn tỉnh bảo đảm an toàn, nghiêm túc, minh bạch, khách quan.

II. Các sở, ngành liên quan

Công an tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính; Sở Y tế; Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bru điện tỉnh; Công ty Điện lực Bắc Ninh; Báo Bắc Ninh; Đài Phát thanh và Truyền hình Bắc Ninh và các cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở GDĐT và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hiệu quả công tác tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025 - 2026 theo quy định.

III. UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Chỉ đạo các phòng GDĐT, các xã, phường, thị trấn và các trường tổ chức công tác truyền thông rộng rãi để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và xã hội hiểu rõ, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phối hợp với Sở GDĐT chỉ đạo phòng GDĐT và các trường trên địa bàn tổ chức công tác thi tuyển sinh theo Kế hoạch phê duyệt.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở GDĐT để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo, giải quyết. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi



Phụ lục
DANH MỤC CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIÁP RANH

(Kèm theo Quyết định số 100 /QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

| TT | Địa bàn huyện, thị xã, thành phố | Địa bàn huyện, thị xã, thành phố giáp ranh |
|----|----------------------------------|--|
| 1 | TP Bắc Ninh | Yên Phong, Tiên Du, TX Quế Võ |
| 2 | Yên Phong | TP Bắc Ninh, TP Từ Sơn, Tiên Du |
| 3 | TX Quế Võ | Gia Bình, TX Thuận Thành, Tiên Du, TP Bắc Ninh |
| 4 | TP Từ Sơn | Yên Phong, Tiên Du |
| 5 | Tiên Du | TP Bắc Ninh, Yên Phong, TP Từ Sơn, TX Quế Võ, TX Thuận Thành |
| 6 | TX Thuận Thành | Tiên Du, TX Quế Võ, Gia Bình, Lương Tài |
| 7 | Gia Bình | TX Thuận Thành, TX Quế Võ, Lương Tài |
| 8 | Lương Tài | Gia Bình, TX Thuận Thành |